

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST

Ngày 28.6.2018

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, TP ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thanh Thủy**.

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Công Chi và Ngô Văn Sỹ**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thái Trâm Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2018/QĐ-HNGĐ ngày 11.6.2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Ngô Thị T - Sinh năm 1979. (có mặt)

- ***Bị đơn:*** Ông Mai Văn A - Sinh năm 1973 (vắng mặt lần 2 không lý do).

Cùng trú tại: số 62N, tổ 28A, phường H, quận L, Tp Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Ngô Thị T trình bày:

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Tôi và ông Mai Văn A kết hôn năm 2002 có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, TP Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống tại số 62N thuộc tổ 28A, phường H, quận L, Tp Đà Nẵng.

Trong thời gian chung sống vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu do chồng tôi là ông A không quan tâm chăm sóc gia đình, không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc. Đỉnh điểm vào tháng 3 năm 2018 khi tôi có ý kiến về vấn đề cờ bạc thì ông A đã đánh đuổi tôi ra khỏi nhà, vì thương con nên tôi cố gắng nhịn để gia đình hòa thuận nhưng ông A vẫn không có sự thay đổi nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Mai Văn A.

- ***Về quan hệ con chung:*** Tôi và ông Mai Văn A có 04 con chung là:

+ Mai Thu H - sinh ngày 21.5.2000.

+ Mai Thu T - sinh ngày 21.5.2000.

+ Mai Thị Mỹ U - sinh ngày 06.01.2002

+ Mai Tấn Đ - sinh ngày 29.11.2011

Ly hôn tôi có nguyện vọng được con chung Mai Tấn Đ, giao con chung Mai Thị Mỹ U cho ông A nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Riêng hai con chung Mai Thu H và Mai Thu T đã đủ tuổi trưởng thành nên không đề cập đến.

- **Về tài sản chung:** Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết

- **Về nợ chung:** Bà T khai nhận không có.

* Bị đơn là ông Mai Văn A không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp ly hôn giữa bà Ngô Thị T và ông Mai Văn A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 11.6.2018 và cũng như phiên tòa hôm nay Toà án đã triệu tập, niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn là ông A, nhưng ông A vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt ông A.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T đối với ông Mai Văn A thì thấy:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Ngô Thị T và ông Mai Văn A kết hôn 2002 có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, TP Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn chung sống tại số 62 N thuộc tổ 28A, phường H, quận L, TP Đà Nẵng.

Trong thời gian chung sống vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu do là ông A không quan tâm chăm sóc gia đình, không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc. Đỉnh điểm vào tháng 3 năm 2018 khi bà T có ý kiến về vấn đề cờ bạc thì ông A đã đánh đuổi bà ra khỏi nhà, vì thương con nên bà cố gắng nhịn để gia đình hòa thuận nhưng ông A vẫn không có sự thay đổi. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông A.

Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm hôm nay bị đơn là ông Mai Văn A mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T. Theo đơn xác nhận tại UBND phường H, quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng thì cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông A thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do ông A bài bạc, cá độ về nhà đánh đập bà T. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- **Về quan hệ con chung:** Bà Ngô Thị T và ông Mai Văn A có 04 con chung là:

- + Mai Thu H - sinh ngày 21.5.2000.
- + Mai Thu T - sinh ngày 21.5.2000.
- + Mai Thị Mỹ U - sinh ngày 06.01.2002
- + Mai Tấn Đ - sinh ngày 29.11.2011

Ly hôn bà T có nguyện vọng nuôi con chung Mai Tấn Đ và giao con chung Mai Thị Mỹ U cho ông A nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Riêng hai con chung Mai Thu H và Mai Thu T đã đủ tuổi trưởng thành nên không đề cập đến.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T thay đổi yêu cầu là xin nuôi hai con chung là Mỹ U và Tấn Đ và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX xét thấy, theo tài liệu, chứng cứ do bà T cung cấp thì mức thu nhập hiện nay của bà T là 7.000.000 đồng (*bảy triệu đồng/01 tháng*). Hơn nữa cháu Tấn Đ có đơn trình bày thể hiện có nguyện vọng ở với mẹ, cháu Mỹ U là con gái cần sự chỉ bảo của mẹ khi đến tuổi phát triển. Do đó, HĐXX xét thấy cần giao cháu Mai Thị Mỹ U và Mai Tấn Đ cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung bà T không yêu cầu nên HĐXX không xét.

Riêng hai con chung Mai Thu H và Mai Thu T đã đủ tuổi trưởng thành nên HĐXX không đề cập đến.

- **Về tài sản chung:** Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết

- **Về nợ chung:** Bà T khai nhận không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông A cũng không có ý kiến gì đối với tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Nếu sau này bà T và ông A có tranh chấp về vấn đề tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

- **Về án phí:** Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì: bà T phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Ngô Thị T đối với ông Mai Văn A.

Tuyên xử: Bà Ngô Thị T, sinh năm 1979, được ly hôn với ông Mai Văn A, sinh năm 1976.

Giấy chứng nhận kết hôn số 82 ngày 22.5.2002 của UBND phường H, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý.

2. **Về con chung:** Tuyên: Giao hai con chung Mai Thị Mỹ U, sinh ngày 06.01.2002 và Mai Tấn Đ, sinh ngày 29.11.2011 cho bà Ngô Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Bà Ngô Thị T không yêu cầu ông Mai Văn A cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng tiền nuôi con.

3. **Về tài sản chung:** Bà Ngô Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. **Về nợ chung:** Bà Ngô Thị T khai nhận không có.

5. **Về án phí:** Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng bà T phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002757 ngày 16.3.2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận L, TP Đà Nẵng. Như vậy, bà T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án Liên Chiểu;
- UBND p.H,q L, TP Đà Nẵng;
- Hồ sơ vụ án.

Phạm Thanh Thủy